

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**C HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 29-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC C HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn V, sinh ngày 01/01/1974 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trung N, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1952; có vợ là Phạm Thị L1, sinh năm 1974; có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 109 ngày 17/6/2020 của Công an huyện K xử phạt Đỗ Văn V 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã được xóa). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2022, chuyển tạm giam từ ngày 07/01/2022; có mặt.

2. Vũ Hữu B, sinh ngày 15/6/1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ1, quận K1, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu B1, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị L2, sinh năm 1960; có

vợ là Đỗ Thị K2, sinh năm 1983; có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 124 ngày 29/5/2019 của Công an quận H xử phạt Vũ Hữu B 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã được xóa). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2022; chuyển tạm giam từ ngày 07/01/2022; có mặt.

3. Nguyễn Văn T, sinh ngày 07/3/1969 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Lưu Thị H, sinh năm 1931; có vợ là Bùi Thị T2, sinh năm 1969; có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04 ngày 17/5/2020 của UBND xã T, huyện K xử phạt Nguyễn Văn T 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã được xóa). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2022; chuyển tạm giam từ ngày 07/01/2022; có mặt.

4. Nguyễn Thị T1, sinh ngày 12/10/1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 2, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1955 và bà Lê Thị M, sinh năm 1955; có chồng là Đỗ Văn K3, sinh năm 1977; có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2022 đến ngày 07/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 03/01/2022, Đỗ Văn V, Vũ Hữu B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T1 đến nhà bà Nguyễn Thị C để hỏi thăm sức khỏe bà C bị ốm. Sau khi ngồi chơi uống nước đến 21 giờ cùng ngày thì bà C đi ngủ, còn lại V, B, T, T1 thì V đề xuất, rủ mọi người đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền tại gian phòng khách của gia đình bà C. V lấy bộ bài tú lơ khơ có từ trước ở bàn uống nước đưa cho B chia bài cho mọi người đánh bạc. Cách thức đánh bạc quy ước như sau: Tỷ lệ đánh bạc là 5.000 đồng, 10.000 đồng, 15.000 đồng tương ứng với số tiền người về thứ hai, thứ ba, thứ tư phải trả cho người về nhất, người nào “cháy” phải trả cho người về nhất số tiền 70.000 đồng, người nào ù thì ba người còn lại mỗi người phải trả cho người ù số tiền 100.000 đồng và người được

“ù” sẽ bỏ ra 10.000 đồng để tự mua thuốc nước phục vụ đánh bạc. Trong khi đánh bạc không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản, không phải nộp tiền hồ. Đến 22 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K phát hiện kiểm tra hành chính và thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài và số tiền 6.250.000 đồng (thu tại chiếu bạc 1.500.000 đồng, trong người các đối tượng 4.750.000 đồng).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSKT ngày 31/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn V, Vũ Hữu B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T1 đều về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thống nhất khai nhận tội: Do quen biết bà C ở thôn C, xã T, huyện K, biết bà C bị ốm nên tối ngày 03/01/2022 V, B, T, T1 đến hỏi thăm. Sau khi ngồi chơi uống nước đến 21 giờ cùng ngày thì bà C đi ngủ; còn lại V, B, T, T1 thì V đề xuất rủ mọi người đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền tại gian phòng khách của gia đình bà C. V lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn từ trước trên bàn uống nước đưa cho B chia bài để cả nhóm đánh bạc. Cả nhóm thống nhất người “ù” sẽ bỏ ra 10.000 đồng để tự mua thuốc nước phục vụ đánh bạc. Trong khi đánh bạc không phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. V dùng số tiền 2.020.000 đồng đánh bạc, thắng 180.000 đồng. T1 dùng số tiền 1.850.000 đồng đánh bạc, thua 250.000 đồng. B dùng số tiền 1.550.000 đồng đánh bạc, thua 705.000 đồng. T dùng số tiền 830.000 đồng đánh bạc, thắng 735.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc 6.250.000 đồng đều bị thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo. Đến 22 giờ 20 phút cùng ngày bị Công an huyện K phát hiện bắt giữ và thu giữ vật chứng.

Tại cơ quan điều tra, bà Nguyễn Thị C khai: Tôi ngày 03/01/2022, bà bị ốm đang ở nhà thì có V, B, T, T1 (là quan hệ quen biết) đến chơi, hỏi thăm. Đến 21 giờ cùng ngày bà bị mệt nên đi xuống nhà dưới ngủ. Khi các đối tượng đánh bạc tại gian phòng khách thì bà không biết, 01 bộ bài tú lơ khơ để trên mặt bàn uống nước là của gia đình bà mua từ trước khoảng 01 tháng khi gia đình có cúng giỗ để mọi người đến chơi vui, nay bà không yêu cầu gì, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

+ Đỗ Văn V mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

+ Nguyễn Văn T mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Vũ Hữu B mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Nguyễn Thị T1 mức án tù 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 03 ngày bị tạm giữ (từ ngày 04/01/2022 đến ngày 07/01/2022). Khấu trừ thu nhập hàng tháng của bị cáo từ 5% đến 10% để sung công quỹ Nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Phạt tiền các bị cáo V, B, T mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền 6.250.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên B kiểm tra hành chính, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường, biên B khám nghiệm hiện trường, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 21 giờ ngày 03/01/2022 Đỗ Văn V, Vũ Hữu B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T1 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền tại gian phòng khách của gia đình bà C với tổng số tiền 6.250.000 đồng bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng. Như vậy, hành vi của Đỗ Văn V, Vũ Hữu B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T1 đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công C, gây dư luận xấu trong nhân dân. Đồng thời là điều kiện, nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, nên cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo trong vụ án:

- Trong vụ án này, bị cáo V là người đề xuất, rủ mọi người đánh bạc, trực tiếp lấy bộ bài tú lơ khơ trên bàn uống nước đưa cho bị cáo B chia bài cho cả nhóm đánh bạc, dùng số tiền đánh bạc 2.020.000 đồng đánh bạc nhiều nhất, nhân thân có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc (đã được xóa) nhưng cần đánh giá có nhân thân xấu, nên bị cáo V phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo B, T tham gia đánh bạc tích cực. B dùng số tiền 1.550.000 đồng đánh bạc, T dùng số tiền 830.000 đồng đánh bạc. Nhân thân 02 bị cáo đều có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc (đã được xóa) nhưng cần đánh giá 02 bị cáo có nhân thân xấu, cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo T tham gia trong quân đội. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

- Bị cáo T1 tham gia đánh bạc tích cực, dùng số tiền 1.850.000 đồng đánh bạc. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo V, B, T bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước. Đối với bị cáo T1 bị khấu trừ thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận có thu nhập kinh tế ổn định là 7.000.000 đồng/ tháng phù hợp với các tài liệu xác minh tại địa phương, cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với ngôi nhà bà Nguyễn Thị C mà các bị cáo sử dụng đánh bạc thuộc quyền sở hữu chung của gia đình bà C. Khi các bị cáo đánh bạc thì bà C đi ngủ, không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình bị phát hiện bắt giữ, nên không đặt ra tịch thu tài sản để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu số tiền 6.250.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

- 01 bộ bài tú lơ khơ, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị C chủ nhà đi ngủ, không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình bị phát hiện bắt giữ nên không bị xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

+ Đỗ Văn V 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/01/2022.

+ Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/01/2022.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Vũ Hữu B 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/01/2022.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Nguyễn Thị T1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 04/01/2022 đến ngày 07/01/2022) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo T1 tính từ ngày UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người chấp hành án cải tạo không giam giữ không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Thị T1 với thời gian 18 tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Phạt tiền các bị cáo để sung công quỹ Nhà nước: Đỗ Văn V 10.000.000đ (mười triệu đồng); Vũ Hữu B 10.000.000đ (mười triệu đồng); Nguyễn Văn T 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước (theo ủy nhiệm chi tại Kho bạc Nhà nước huyện K ngày 28/4/2022).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài (theo biên B giao nhận vật chứng ngày 25/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- Về án phí: Các bị cáo Đỗ Văn V, Vũ Hữu B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T1: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được B án hoặc B án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Trại giam HP;
- THA phạt tù+ PC 10 + PV 06
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- UBND phường H, quận D;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền

